

Bản án số: 139/2023/DS-ST

Ngày: 12-7-2023

V/v Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thu Hảo;

2. Bà Trần Thị Kim Duyên;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC không tham gia phiên tòa.*

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị TH, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp bh, xã tc, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

2/ *Bị đơn:* Bà Đặng Thị D, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp lp, xã lc, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:*

Ngày 30/6/2019 bà có cho bà Đặng Thị D vay số tiền là 80.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 2%/tháng. Bà D có đóng lãi đến hết tháng 4/2022 thì ngưng không đóng lãi nữa. Ngày 15/7/2022 bà và bà D thoả thuận lại mỗi tháng trả 3.000.000 đồng tiền gốc, không trả lãi nhưng bà D chỉ thực hiện trả 05 lần tổng cộng là 15.000.000 đồng sau đó ngưng không trả cho đến nay.

Nay bà yêu cầu bà Đặng Thị D có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ là 65.000.000 đồng gốc và tiền lãi chậm trả là 1.312.000 đồng. Yêu cầu thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn trình bày:*

Thông nhất lời trình bày của bà TH. Hiện bà còn nợ số tiền 65.000.000 đồng vốn gốc, xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh khó khăn, đi bán vé số, bà xin không trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Long Chánh, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay. Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

[3]. Về nội dung vụ án:

Bà TH khởi kiện yêu cầu bà D có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ là 65.000.000 đồng gốc và tiền lãi chậm trả là 1.312.000 đồng. Yêu cầu thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn có cung cấp giấy biên nhận do bà D ký tên đề ngày 15/7/2022. Bị đơn bà D đồng ý trả số tiền trên nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng và xin không trả lãi.

Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở, bởi vì giao dịch vay tiền giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, đã được các bên thừa nhận và thể hiện qua giấy biên nhận ngày 15/7/2022 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Trong biên nhận thể hiện rõ bà D có mượn của bà TH số tiền là 80.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, bà D chỉ thực hiện trả được 05 lần tổng cộng số tiền là 15.000.000 đồng. Hiện tại còn nợ 65.000.000 đồng.

Xét thấy số tiền trên bà D nợ đã lâu, khi ký biên nhận hai bên đã thỏa thuận trả gốc hàng tháng nhưng đến nay bà D đã không thực hiện vì vậy đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên, nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả vốn nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa trả vốn cho nguyên đơn. Việc bị đơn xin trả dần không được bà TH chấp nhận, làm kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả hàng tháng 2.000.000 đồng của bị đơn.

Đối với yêu cầu tính lãi suất, mặc dù tại đơn khởi kiện bà TH có yêu cầu Tòa án giải quyết tính lãi với số tiền là 12.948.000 đồng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bà D trả lãi chậm trả với số tiền 1.312.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu trên không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ

luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà TH là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Bà D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên do bà D là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên bà D được miễn án phí theo quy định pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị TH.

Buộc Đặng Thị D có nghĩa vụ trả cho bà TH tổng cộng 66.312.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu ba trăm mười hai nghìn đồng*), thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian và số tiền chưa thi hành án.

3. Về án phí:

- Bà Đặng Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn lại cho bà Trần Thị TH số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.948.700 đồng theo biên lai thu tiền số 0027369 ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, av.

Nguyễn Thị Thu Thảo

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Biên bản kết thúc giờ phút ngày tháng 7 năm 2023, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý ký tên.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa